

Bản án số:135/2022/DS-ST
Ngày 16 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiên.

Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T- Chủ hộ kinh doanh T. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy Tr, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/01/2022), (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Nghĩa B, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp Công Đ, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Quách Thu Th, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp Công Đ, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn chị Lê Thị Thùy Tr trình bày:

Ngày 01/01/2018, Hộ kinh doanh T (TQM) và ông B, bà Th thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, theo đó TQM bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của

ông B, bà Th nuôi tôm, đến cuối vụ ông B, bà Th phải thanh toán dứt điểm công nợ cho TQM. Trong quá trình giao dịch, ông B, bà Th không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho TQM.

Theo giấy xác nhận công nợ tháng 02/2020 ký ngày 01/3/2020 bà Quách Thu Th còn nợ TQM số tiền 18.189.000 đồng, căn cứ vào sổ công nợ ông B còn nợ TQM 7.714.000 đồng. Như vậy tổng số tiền mà bà Th và ông B còn nợ TQM là 25.903.000 đồng. TQM đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông B, bà Th thanh toán nhưng ông B, bà Th hứa hẹn không chịu thanh toán công nợ.

Nay TQM yêu cầu ông B, bà Th liên đới thanh toán số tiền là 25.903.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Nghĩa B trình bày:

Ông thống nhất quá trình giao dịch mua bán với nguyên đơn như đại diện nguyên đơn trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng ông thống nhất số tiền nợ còn lại nguyên đơn là 7.714.000 đồng và đồng ý thanh toán số nợ này cho nguyên đơn. Ông không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu ông cùng bà Th trả tổng số tiền 25.903.000 đồng, do ông và bà Th nuôi tôm riêng từ khi ông và bà Th chưa ly hôn.

Trong quá trình giao dịch do Công ty T thực hiện không đúng hợp đồng, không tiếp tục cung cấp thức ăn làm cho ông bị thiệt hại 100.000 con tôm giống với số tiền 10.700.000 đồng. Nay ông yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại cho ông số tiền trên.

Đối với bà Quách Thu Th, từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà nhưng bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bà Th trả số tiền 18.189.000 đồng; ông B trả số tiền 7.714.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Nghĩa B, bà Quách Thu Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn yêu cầu bà Th trả số tiền 18.189.000 đồng; ông B trả số tiền 7.714.000 đồng, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với bảng đối chiếu nợ tháng 02 năm 2020 thể hiện ông B còn nợ số tiền

7.714.000 đồng, bà Th còn nợ 18.189.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông B thừa nhận còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu và đồng ý thanh toán, bà Th không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Ông B và bà Th đã ly hôn tại bản án số 53/2020/HNGĐ-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Theo ông B xác định, ông và bà Th tự xác lập giao dịch riêng với nguyên đơn từ khi ông bà chưa ly hôn, tại bản án số 53/2020/HNGĐ-ST ngày 13/3/2020, đương sự xác định ly thân nhau từ năm 2018, lời trình bày này cũng phù hợp với bảng theo dõi công nợ của nguyên đơn là mỗi người một sổ công nợ riêng từ năm 2018 nên đại diện nguyên đơn yêu cầu ông B, bà Th có nghĩa vụ thanh toán riêng theo sổ công nợ là phù hợp.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông B trả số tiền 7.714.000 đồng, bà Th trả số tiền 18.189.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[4.3] Xét yêu cầu phản tố của ông B: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông B vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông B. Ông B được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thanh T- Chủ hộ kinh doanh T không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

Ông B được miễn, có đơn xin miễn do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

Bà Th thuộc đối tượng miễn án phí nhưng không có đơn đề nghị được miễn nên bà Th phải chịu 909.450 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T- Chủ hộ kinh doanh T.

Buộc ông Nguyễn Nghĩa B trả cho chị Nguyễn Thanh T- Chủ hộ kinh doanh T số tiền 7.714.000 đồng (bảy triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

Buộc bà Quách Thu Th trả cho chị Nguyễn Thanh T- Chủ hộ kinh doanh T số tiền 18.189.000 đồng (mười tám triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Nghĩa B về việc yêu cầu chị Nguyễn Thanh T- Chủ hộ kinh doanh T bồi thường số tiền 10.700.000 đồng. Ông Nguyễn Nghĩa B có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thanh T- Chủ hộ kinh doanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B, bà Th chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng ông B, bà Th còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thanh T- Chủ hộ kinh doanh T không phải chịu, hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thanh T- Chủ hộ kinh doanh T 712.000 đồng (bảy trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012186 ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Nguyễn Nghĩa B được miễn, có đơn xin miễn do thuộc trường hợp là người cao tuổi.

- Bà Quách Thu Th phải chịu 909.450 đồng (chín trăm lẻ chín nghìn bốn trăm năm mươi đồng), (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

